



Kanji	Hiragana	Tiếng Việt
家族	かぞく	Gia đình
祖父	そふ	Ông
祖母	そぼ	Bà
伯父	おじ	Chú, bác (lớn hơn bố, mẹ)
叔父	おじ	Chú, bác (nhỏ hơn bố, mẹ)
伯母	おば	Cô, gì (lớn hơn bố, mẹ)
叔母	おば	Cô, gì (nhỏ hơn bố, mẹ)
両親	りょうしん	Bố mẹ
父	ちち	Bố
母	はは	Mẹ

Kanji	Hiragana	Tiếng Việt
兄弟	きょうだい	anh / em
姉妹	しまい	Chị / em
兄	あに	Anh trai
姉	あね	Chị gái
弟	おとうと	Em trai
妹	いもうと	Em gái
夫婦	ふうふ	Vợ chồng
主人	しゅじん	Chồng
夫	おっと	Chồng
家内	かない	Vợ
妻	つま	Vợ
従兄弟	いとこ	Anh em họ (nam)
従姉妹	いとこ	Anh em họ (nữ)
子供	こども	Con cái
息子	むすこ	Con trai
娘	むすめ	Con gái
甥	おい	Cháu trai
姪	めい	Cháu gái
孫	まご	Cháu
義理の兄	ぎりのあに	Anh rể
義理の弟	ぎりのおとうと	Em rể
義理の息子	ぎりのむすこ	Con rể

Nếu là “nguyên âm”, chuyển tương đương như sau :

Việt	Nhật
a	ア
i	イ
u	ウ
e	エ
o	オ

Nếu là phụ âm thì chúng ta cũng chuyển các hàng tương ứng

Ví dụ :	
“S”	
Ta có : サ(sa) / シ(shi) / ス(su) / せ(se) / ソ(so)	
“H”	
Ta có : ハ(ha) / ヒ(hi) / フ(fu) / ヘ(he) / ホ(ho)	

Nếu là các phụ âm đứng cuối thì ta biến đổi như sau :

– C, K, CH	
Chuyển thành : ック	
Ví dụ : “Túc” sẽ chuyển thành “トゥック”	
– N, NH, NG	
Chuyển thành : ン	
Ví dụ : “Thanh” sẽ chuyển thành “タン”	
– M	
Chuyển thành : ム	
Ví dụ : “Trâm” sẽ chuyển thành “チャム”	

– P	
Chuyển thành : ップ	
Ví dụ : “Mập” sẽ chuyển thành “マッブ”	
– T	
Chuyển thành : ット	
Ví dụ : “Phát” sẽ chuyển thành “ファット”	
2. Bảng danh sách tên Katakana tiếng Nhật	
<b>Tên</b>	<b>Ý nghĩa</b>
An	アン
An / Ân	アン
Anh	アイン
Anh	アィン
Ánh	アイン
Anh / Ảnh / Ánh	アイン
Âu	アーウ
Ba / Bá	バ
Bac	バック
Bắc	バック
Bách	バツク
Bạch / Bách	バック
Ban / Bãng / Bằng	バン
Bành	バン
Bảo	バオ
Bao / Bảo	バオ
Bế	Bích
Bích	ビック
Bình	ビン
Bình	ビン

Bông	ボン
Bông	ボン
Bùi	ブイ
Cam	カム
Cắm/ cam / cầm	カム
Can / Cẩn / Cán cần	カン
Cao	カオ
Cát	カット
Chang	チャン
Châu	チャウ
Châu	チャウ
Chi	チ
Chi / Tri	チー
Chiến	チェン
Chiến	チエン
Chinh	チン
Chu	ヅ
Chung	チュン
Công	コン
Công	コン
Cúc	クック
Cúc	クック
Cường	クオン
Cương / Cường	クオン
Đại	ダイ
Đàm / Đảm	ダム
Đan/ Đàn/ Đán / Đản	ダン
Đặng	ダン
Đang/ Đẳng/ Đặng /Đẳng	ダン
Danh / Dân	ヅアン
Đào	ダオ

Đào	ダオ
Đạo	ダオ
Đạt	ダット
Đạt	ダット
Đậu	ダオウ
Đệ	デー
Dì	ジア
Diem	ジエム
Diễm	ジエム
Diễm	ジュム
Điểm / Điểm	ディエム
Diễn	ジエン
Diệu	ジエウ
Đình/ Đình/ Định	ディン
Dị	ジュー
Đỗ	ドー
Doan	ゾアン
Doãn	ゾアン
Đoan / Đoàn	ドアン
Doanh	ズアイン
Duẩn	ヅアン
Đức	ドゥック
Đức	ドゥック
Đức	ドウツ
Dung	ズン
Dũng	ズン
Dung / Dũng	ズン
Dương	ヅオン
Dương	ズオン
Duy	ヅウィ
Duy	ヅイ

Duyên	ズエン
Duyên / Duyền	
Gắm	グアム
Gia	ジャ
Giang	ヅアン
Giang	ジャン
Giang	ザン
Ha	ハ
Hà	ハー
Hà	ハ
Hà/ Hạ	ハ
Hải	ハイ
Hai/ Hải	ハイ(
Hân	ハン
Hàn / Hân/ Hán	ハン
Hằng	ハン
Hạnh	ハン / ハイン
Hạnh	ハイン
Hào	ハオ
Hảo	ハオ
Hào/ Hạo	ハオ
Hậu	ハウ
Hien	ヒエン
Hiền	ヒエン
Hiện	ヒエン
Hiền / Hiễn	ヒエン
Hiệp	ヒエップ
Hiếu	ヒエウ
Hồ	ホ
Hồ	ホ-
Hồ	ホー

Hoa	ホア
Hòa	ホア
Hoa / Hoà / Hoá / Hỏa / Họa	ホア
Hoài	ホアイ
Hoan	ホアン
Hoàn	ホアン
Hoan / Hoàn / Hoàng	ホアン/ ホーアン
Hoàng	ホアン
Hoanh	ホアン
Học	ホック
Hợi	ホイ
Hồng	ホン
Hồng	ホン
Hợp	ホップ
Hợp	ホップ
Huân	ファン
Huấn	ファン
Huế	フエ
Huệ	フエ
Hùng	フン
Hùng / Hưng	フン/ホウン
Hương	フォン
Hường	フウン
Hương/ Hường	ホウオン
Hữu	フュ
Huy	フィ
Huy	フィ
Huyền	フエン
Huyền / Huyền	フェン/ホウエン
Huỳnh	フィン
Khai / Khái	カーイ/ クアイ



Khấm	カム
Khang	クーアン
KHANG	カン
Khánh	カイン
Khanh / Khánh	カイン/ ハイ
Khoa	クオア
Khỏe	フィ
Khôi	コイ/ コーイ/ コイー
Khổng	コン
Khuê	クエ
Khương	クウン
Khương	クオン
Kiên / Kiềm	キエム
Kiệt	キエット
Kiều	キイエウ
Kim	キム
Kỳ	キ
Kỳ / Kỷ / Kỵ	キ
Lài	ライ
Lai / Lai / Lài	ライ
Lam	ラム
Lâm	ラム
Lan	ラン
Lan	ラン
Lành	ラン
Lê / Lễ / Lệ	レ
Len	レン
Liên	リエン
Liên	リエン
Liễu	リエウ
Linh	リン

Linh	ティン
Linh/ Lĩnh	リン
Loan	ロン
Loan	ロアン
Lộc	ロック
Long	ロン
Lụa / Lúa	ルア
Luân	ルアン
Luân / Luận	ルアン
Lực	ルック
Lương	ルオン
Lương / Lượng	ルオン
Lưu / Lựu	リュ
Ly	リー
LY	リ
Lý	リー
Ly / Lý	リ
Mạc / Mác	マク
Mai	マイ
Mai	マイ
Mẫn	マン
Mạnh	マイン
Mạnh	マイン
Mến	メン
Minh	ミン
Minh	ミン
Mơ	モ
Mười	ムオイ
My	ミー
Mỹ	ミー
Mỹ	ミ

My / Mỹ	ミ / ミー
Nam	ナム
Nam	ナム
Nga	ガー
Nga	ガ
Nga / Ngà	ガー/グア
Ngai	ガイ
Ngãi	ガイ
Ngân	ガン
Ngân	ガン
Ngân / Ngần	ガン
Ngay	ガイ
Nghĩa	ギエ
Nghiêm	ギエム
Ngô	ゴー
Ngọc	ゴック
Ngọc	ゴック
Nguyễn	グエン
Nguyệt	グエット
Nguyệt	グエット
Nhàn	ニャン
Nhân / Nhẫn / Nhàn	ニャン
Nhất	ニヤット
Nhật / Nhất	ニヤット
Nhi	ニー
Nhi / Nhĩ	ニー
Như / Nhu	ヌー
Nhung	ヌウン
Nhung	ニュン
Ninh	ニン
Nông	ノオン

Nữ	ヌー
Nường	ヌオン
Oanh	オアン
Oanh	オアン
Phạm	ファム
Phan / Phạn	ファン
Pháp	ファップ
Phát	ファット
Phi	フィ
Phong	フォン
Phong / Phòng / Phóng	フォン
Phú	フー
Phúc	フック
Phúc	フック
Phùng	フン
Phụng	フン
Phước	フオック
Phường	フォン
Phương	フォン
Phượng	フウオン
Quân / Quang / Quảng	クアン
Quang	クアン
Quế	クエ
Quốc	コック/ コク
Quý	クイ
Quý / Quy / Quỳ	クイ
Quyên	ウイエン
Quyền	クエン
Quyên/ Quyền	クエン
Quyết	クエット
Quyết	クエット

Quỳnh	クーイン/クイン
Quỳnh	クイン
Sam / Sâm	サム
Sáng	サン
Sinh	シン
Sinh	シン
Son	ソン
Sơn	ソン
Sơn	ソン
Sương	スウオン
Tài	タイ
Tài / Tại	タイ
Tam	タン
Tâm	タム
Tâm	タム
Tấm	タム
Tân	タン
Tấn	タン
Tân / Tấn	タン
Thái	タイ
Thái	タイ
Thấm	タム
Thấm/Thẩm	タム
Thắng	タアン
Thắng	タン
Thanh	タアン
Thành	タン
Thanh/ Thành / Thạnh	タイン/ タン
Thảo	タオ
Thao/ Thao/ Thạo/ Thảo	タオ
Thi	テイ

Thị / Thi/ Thy	ティ/ティー
Thích	ティック
Thiện	ティエン
Thiên/ Thiện	ティエン
Thiệp	ティエップ
Thìn	ティン
Thịnh	ティン
Tho	トー
Thọ/ thơ/ tho	トー
Thoa	トーア/トア
Thoại	トアイ
Thoan/ Thoản	トアン
THỜI	トイ
Thơm	トム
Thông/ Thống	トーン
Thu	トゥー
THU	トウ
Thu	トゥー
Thư	トゥー
Thư	トゥー
Thu/ Thụ	トゥー
Thuấn	トゥアン
Thuần	トゥアン
Thuận	トゥアン
Thuận	トゥアン
Thương	トゥオン
Thương / Thường	トゥオン
Thuy	トウイ
Thuý	トウイ
Thùy	トウイ
Thủy	トウイ

Thủy	トウイ
Thúy	トウイ
Thủy	トウイ
Thụy	トウイ
Thuy/ Thùỵ/ Thuý/ Thụỵ	トウイ
Tiên	ティエン
Tiến / Tiên	ティエン
Tiếp / Tiệp	ティエップ
TINH	ティン
Tơ	ト
Toan	トアン
Toàn	トアン
Toan / Toàn / Toán / Toản	トウアン
Tôn	トン
Tổng	トン
Trà	チャ-
Trâm	チャム
Trần	チャン
Trân / Trần	チャン/ ツアン
Trang	チャン
Trang / Tráng	チャン/ ツアン
Trí	チー
Trí/ Chi/ Tri	チー
Triển	チエン
Triết	チエット
Triệu	チエウ
Trinh	チン
Trình	チン
Trinh/ Trịnħ/ Trìnħ	チン
Trọng	チョン
Trúc	ツック

Trúc	チェック
Trung	ツーン
Trương / Trường	チュオン
Truyền	チュエン
Tú	ツー/ トウ
Tú	トウ
Tuấn	トゥアン
Tuân / Tuấn	トゥアン
Tuất	トウアト
Tuệ	トウエ
Tùng	トゥン
Tươi	トウオイ
Tường	トウオン
Tường/ Tường	トゥオン
Tuyền	ティエン
Tuyền	トゥエン
Tuyệt	トゥエット
Tuyệt	トゥエット
Tuyệt	トエット
Ứng/ Ừng	ウン
Uông	ウオン
Uyên	ウェン
Uyên	ウエン
Uyên/ Uyển	ウエン
Vân	ヴァン
Văn/ Vận/ Văn	ヴァン
Vi	ビイ
Vi/ Vĩ	ヴィ
Việt	ヴィエット
Việt	ビット
Vinh	ヴィン



